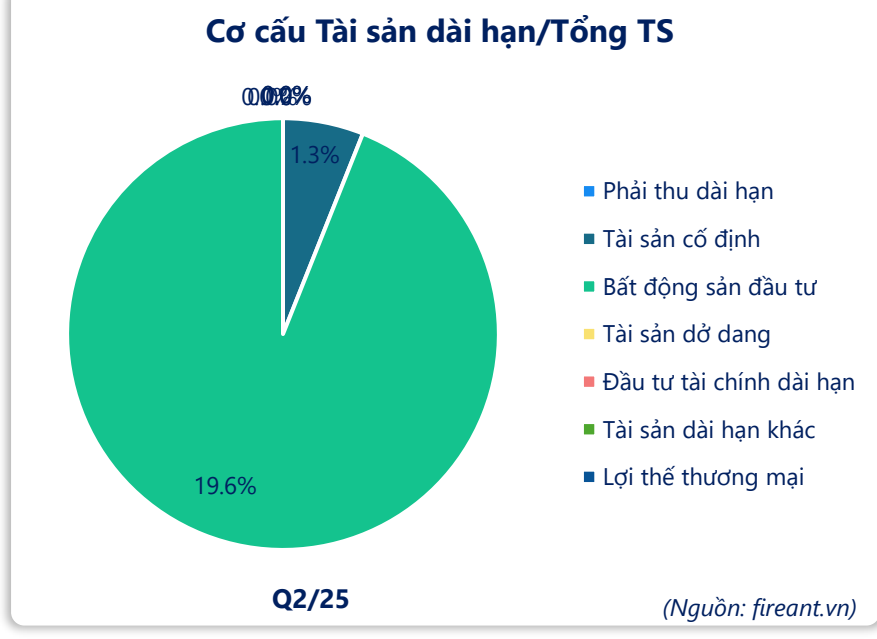
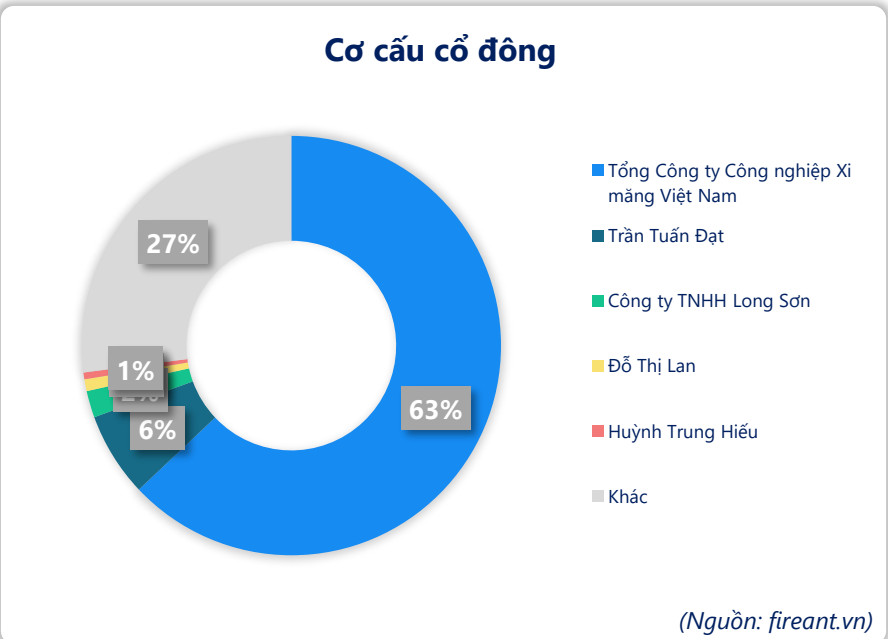
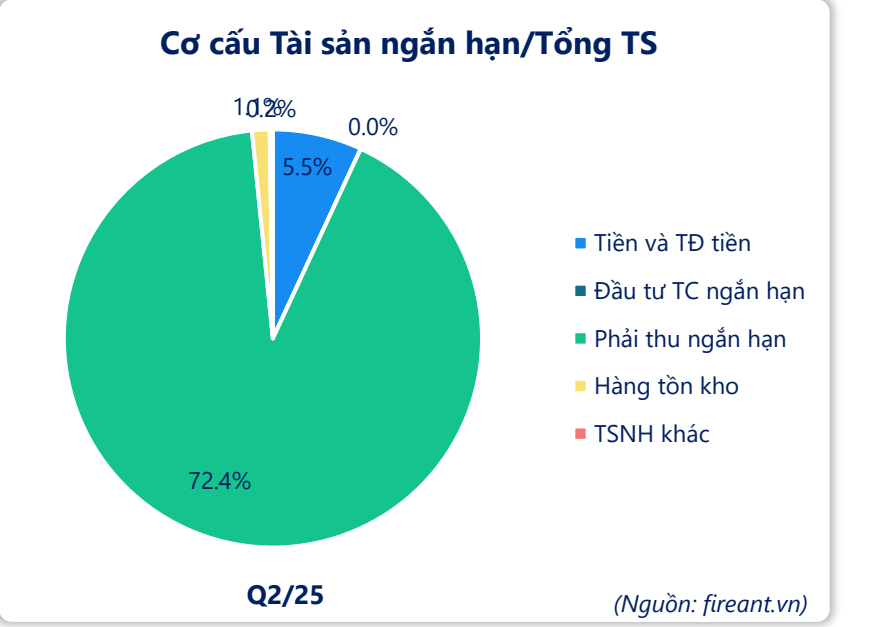
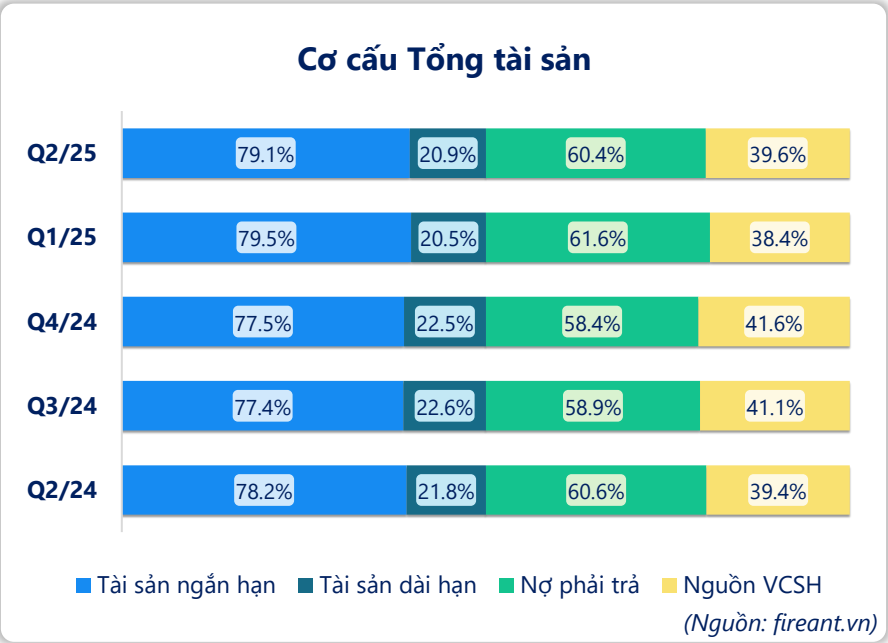
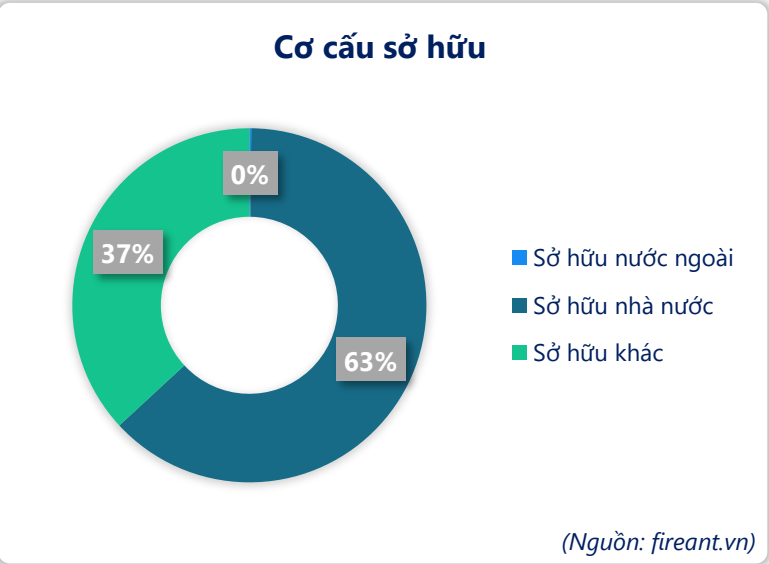
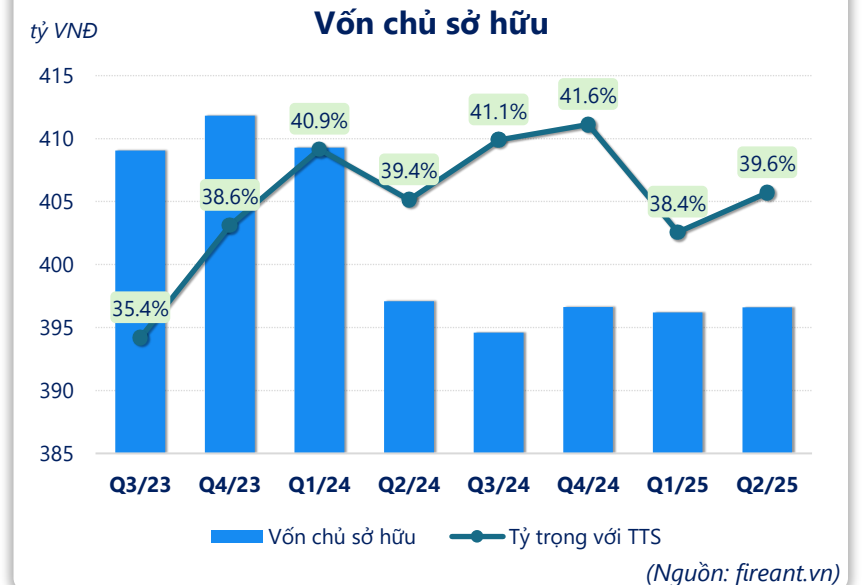
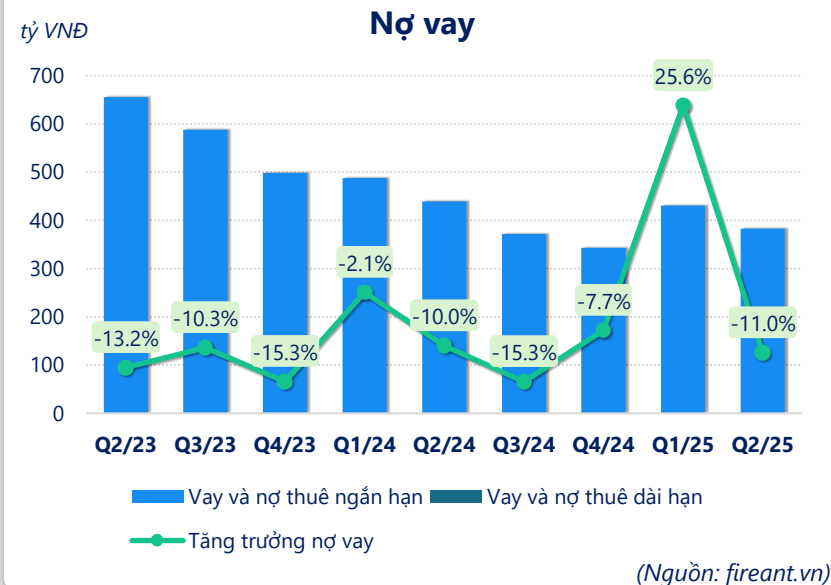
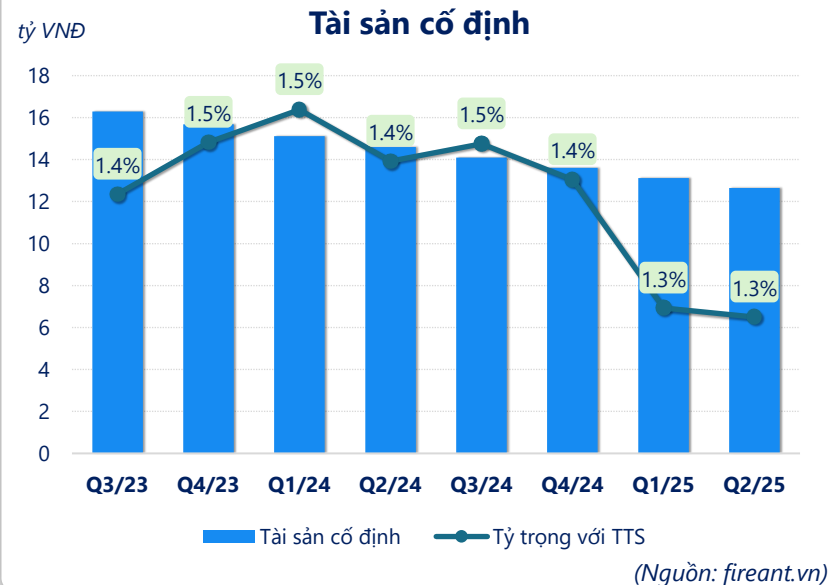
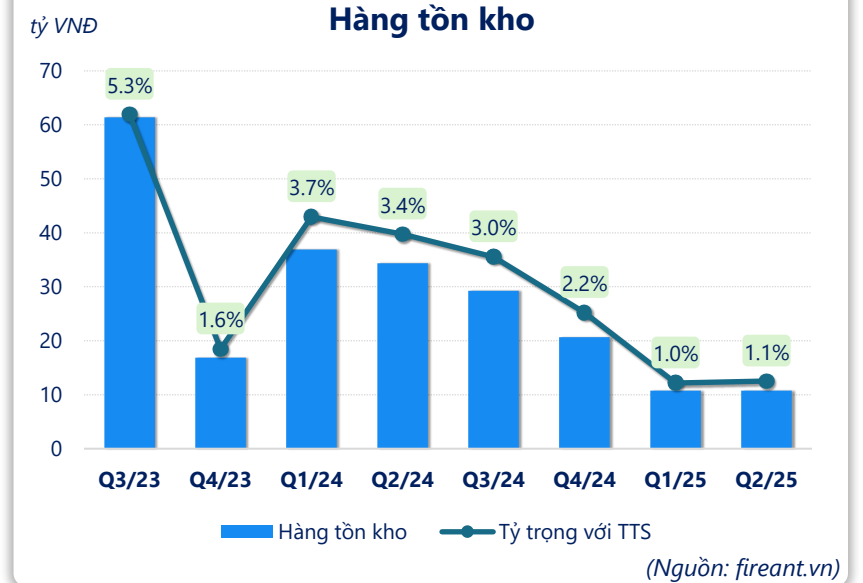
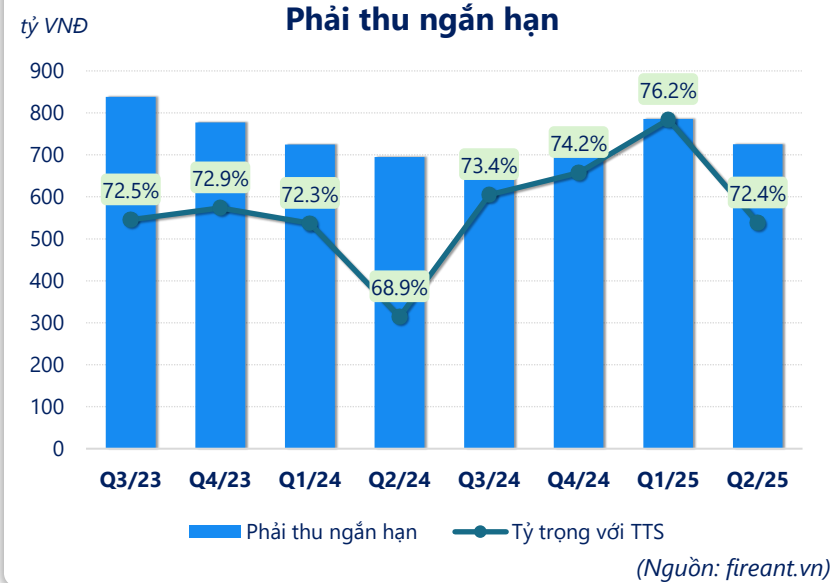
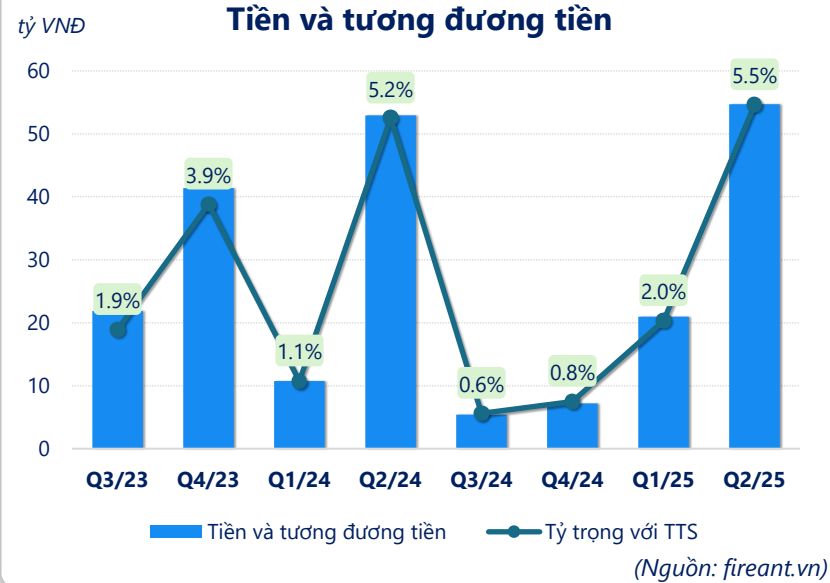
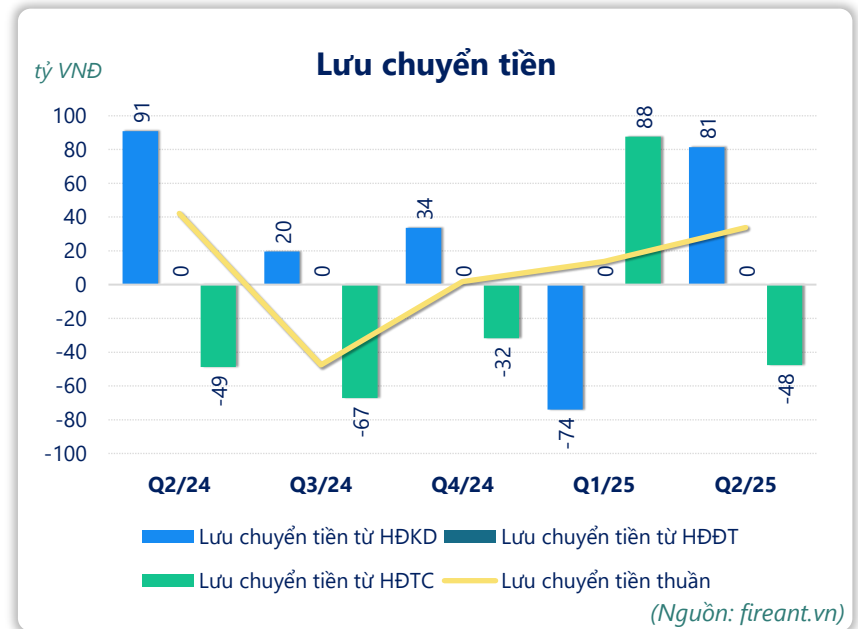
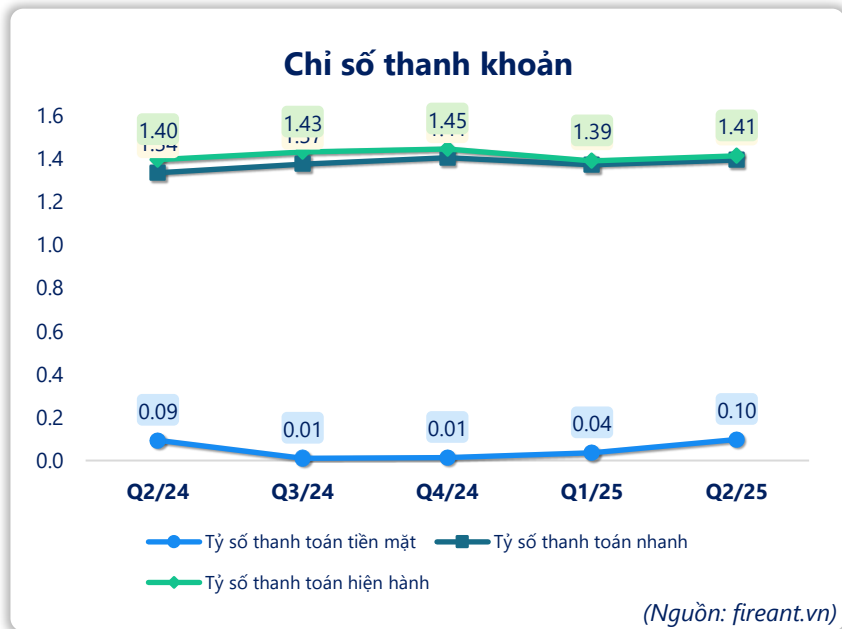
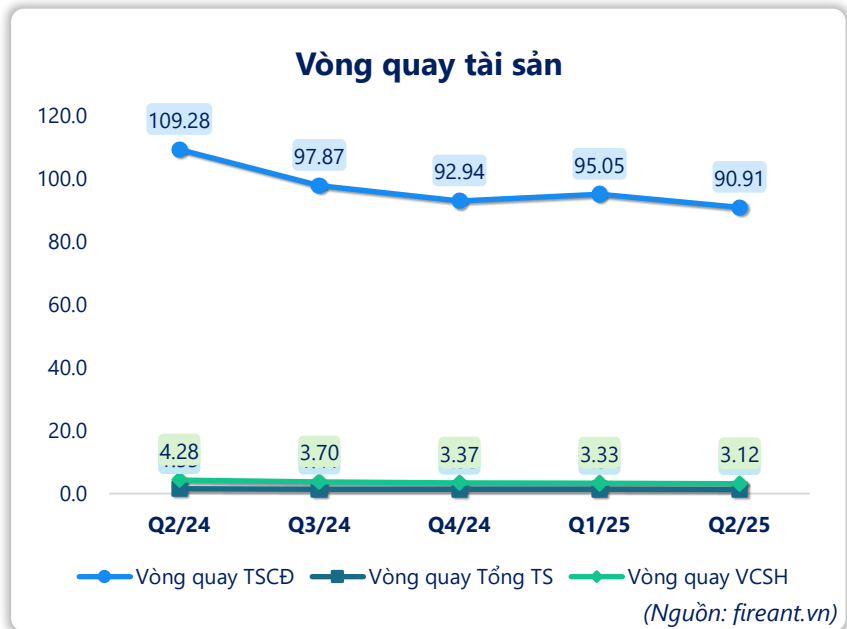
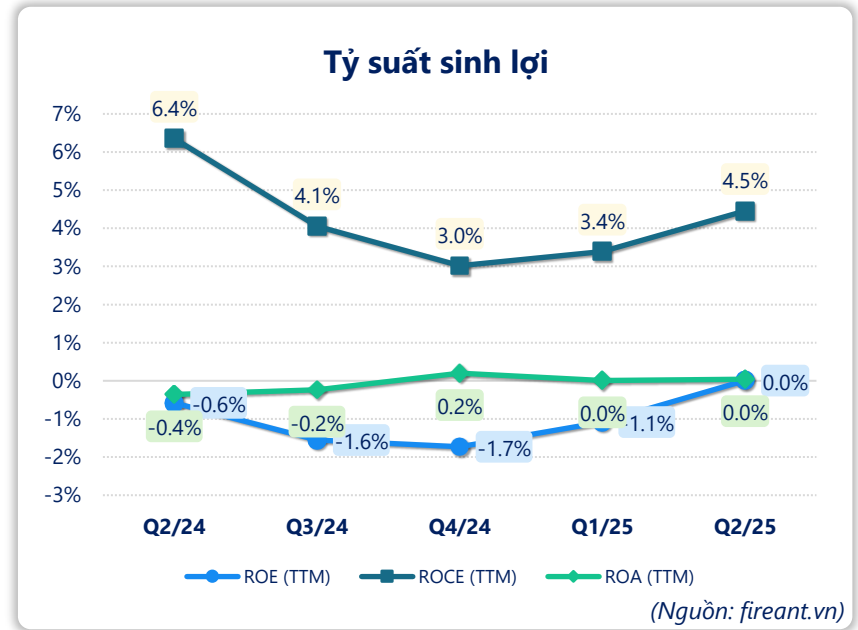
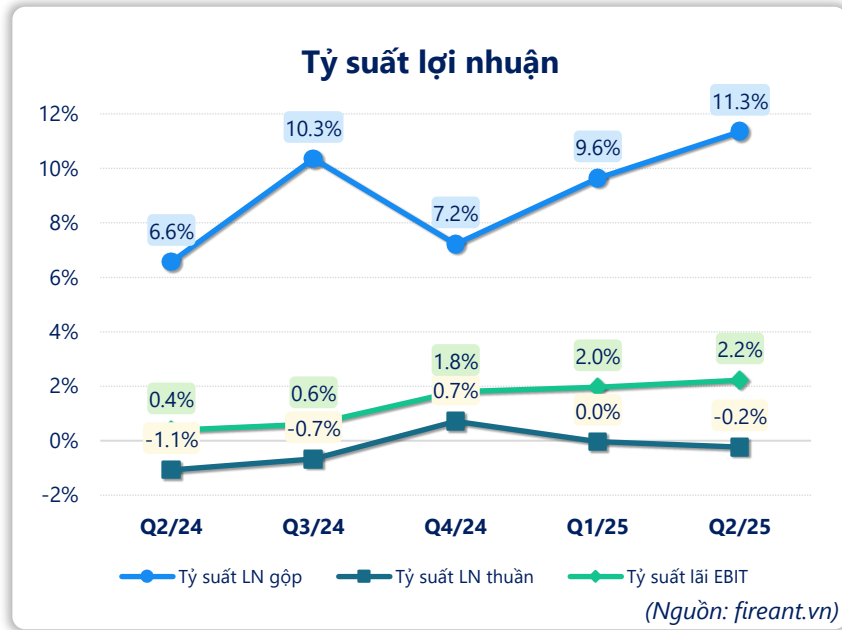
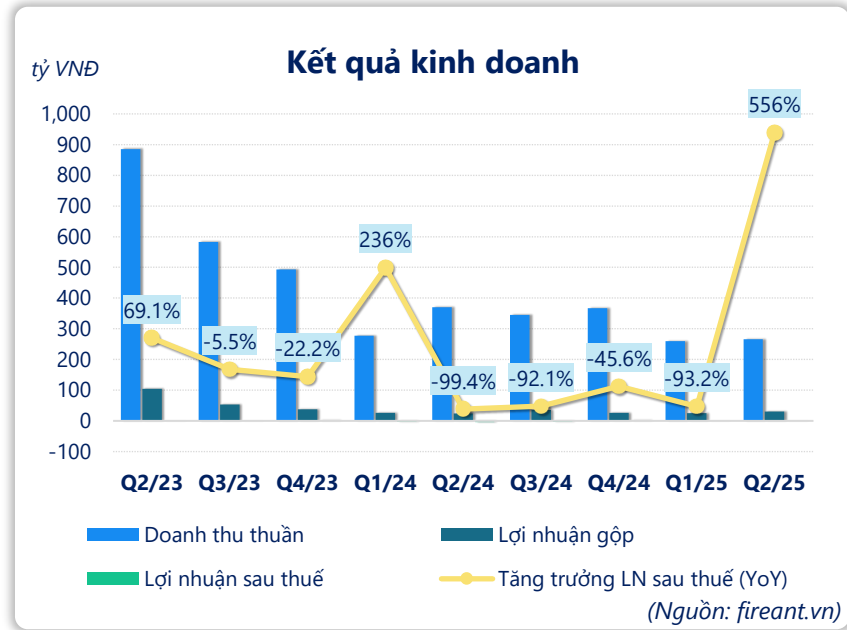


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		11,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		13,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		4,000
SL cổ phiếu LH		31,199,825
KLGD BQ 20 phiên (CP)		52,910
% sở hữu nước ngoài		0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		368
P/E		14840.2
EPS		1

	YTD	1T	3T	6T
VTV	68.6%	-1.7%	0.0%	126.9%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,002	954	5.0%
Tài sản ngắn hạn	792	740	7.1%
Tiền và tương đương tiền	54.7	7.17	663%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	725	708	2.4%
Hàng tồn kho	10.8	20.6	-47.9%
Tài sản ngắn hạn khác	1.95	3.72	-47.6%
Tài sản dài hạn	209	214	-2.3%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	12.6	13.6	-7.0%
Bất động sản đầu tư	197	201	-1.9%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0	0	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	605	558	8.5%
Nợ ngắn hạn	561	512	9.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	383	343	11.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	165	141	17.4%
Nợ dài hạn	44.7	45.7	-2.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	397	396	0.1%
Vốn chủ sở hữu	397	396	0.1%
Vốn điều lệ	312	312	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	370	346	367	259	266
Giá vốn hàng bán	346	310	341	234	236
Lợi nhuận gộp	24.3	35.8	26.5	25.0	30.2
Doanh thu HĐTC	1.82	0.00	0.01	0.00	0.02
Chi phí TC	5.38	4.46	3.80	4.99	5.33
Chi phí lãi vay	5.38	4.46	3.80	4.99	5.33
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	17.0	27.4	13.2	16.8	17.4
Chi phí QLDN	7.69	6.23	6.91	3.30	8.10
LN thuần từ HĐKD	-3.96	-2.31	2.61	-0.08	-0.63
Lợi nhuận khác	0.01	-0.05	0.17	0.19	1.22
LN trước thuế	-3.95	-2.36	2.79	0.12	0.59
Lợi nhuận sau thuế	-3.98	-2.49	2.02	0.09	0.40
LNST của CĐ cty mẹ	-3.98	-2.49	2.02	0.09	0.40

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	91.0	19.7	33.5	-73.9	81.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.01	0.00	0.01	0.00	0.02
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-48.8	-67.2	-31.8	87.7	-47.6
Tiền đầu kỳ	10.8	52.9	5.39	7.17	20.9
Lưu chuyển tiền thuần	42.2	-47.5	1.78	13.8	33.8
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	52.9	5.39	7.17	20.9	54.7

(Nguồn: fireant.vn)